TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89A/2019 /HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2019
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân :
1/ Bà **Lý Thị Bé Năm**
2/ Ông **Cao Châu Tiếp**
Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Cảnh** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Bà **Phạm Trà My** - KSV.

Ngày 04/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/6/ 2019 về việc " ly hôn " theo quyết định xét xử số 91/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Chị Lê Thị T, sinh 1985.(có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp a, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn : Anh Nguyễn Văn Bé N, sinh 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố D, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Bé N tự nguyện kết hôn với nhauchồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỵ, huyện Cai Lậy (nay là phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy) tỉnh Tiền Giang. Hai người chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó đến năm 2013 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vã, anh N không quan tâm gia đình, tham gia cờ bạc. Anh chị cũng cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng lo phát triển kinh tế gia đình và chăm lo cho con chung nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Bé N.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18/02/2013 hiện đang chung sống với chị T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu anh Bé N phải cấp dưỡng nuôi con.

.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn : Anh Nguyễn Văn Bé N, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cần công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng anh vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần 2 anh N vẫn vắng mặt.

* Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Bản sao giấy chứng minh nhân dân; bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Bị đơn cung cấp: Không có. Tòa án thu thập: Biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Bé N. Giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18/02/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bé N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ đơn yêu cầu của chị Lê Thị T và giấy chứng nhận kết hôn số 61/2012, quyển số 01/2011 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy thì chị T và anh Nguyễn Văn Bé N kết hôn với nhau từ năm 2012, đến ngày 29/10/2012 mới đăng ký kết hôn, chị T khởi kiện anh N về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh N nhưng anh vắng mặt không rõ lý do, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt anh N, chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị T và anh N từ khi chung sống với nhau đến nay chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai người thường xuyên xung đột, cãi vã, anh N không quan tâm gia đình, tham gia cờ bạc. Anh chị cũng đã hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, chị T cảm thấy tình cảm với anh N không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N. Đối với anh N, sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh N không đến chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh N là có thật, anh không mong muốn hàn gắn tình cảm và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh N là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Út là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18/02/2013 hiện đang chung sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu anh Bé N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Khoa hiện đang còn nhỏ và sống chung với chị T nhiều năm nay nên giao chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Các Điều các Điều 51, 53, 54, 56, 57, Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Bé N.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 18/02/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bé N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bé N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị T đã nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002380 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Anh N, chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND phường Nhị Mỹ, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng